TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14 – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 05 – 02 – 2026.
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Anh Pha.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Anh.
2. Ông Võ Tấn Sĩ.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Bích Ngân – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 109/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2025 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1982.

Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1978.

Cùng nơi cư trú: thôn C, xã X, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có mặt. Bị đơn vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/8/2025 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Xuân H tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 05/03/2007 tại Ủy ban nhân dân xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (cũ). Sau thời gian chung sống thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, không thống nhất về quan điểm sống, vợ chồng không hòa hợp,

đời sống vợ chồng không hạnh phúc, ông H ngoại tình và vợ chồng sống ly thân gần một năm. Nay bà B khởi kiện, yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 02 con chung, tên: Nguyễn Bích Bảo T, sinh ngày 14/01/2007 và Nguyễn Bích Bảo N, sinh ngày 09/10/2009. Cháu T đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Cháu N có nguyện vọng ở với ai tuỳ quyết định của cháu và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Toà án giải quyết.

**Tại biên bản hòa giải ngày 12/01/2026, bị đơn ông Nguyễn Xuân H trình bày như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: ông H và bà B tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và kết hôn với nhau năm 2007. Quá trình sống chung có xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau, bản thân ông H biết lỗi của mình, ông H có lỗi với bà B, ông H xin lỗi và mong bà B tha thứ, về sống chung lại với nhau cho con cái có đầy đủ cha mẹ, gia đình hạnh phúc. Ông H có nguyện vọng được đoàn tụ.

Về con chung: Có 02 con chung, tên: Nguyễn Bích Bảo T, sinh ngày 14/01/2007 và Nguyễn Bích Bảo N, sinh ngày 09/10/2009. Ông H thống nhất để con tự quyết định sống cùng ai.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Toà án giải quyết.

Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng không được.

Tại phiên toà:

Bị đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Bích đối V ông Nguyễn Xuân H. Về con chung: hiện nay cháu Nguyễn Bích Bảo T đã thành niên và có khả năng lao động, các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét. Giao cháu Nguyễn Bích Bảo N cho bà B nuôi dưỡng, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét. Về án phí: bà B phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà B yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung với ông H. Bị đơn ông Nguyễn Xuân H cư trú tại thôn C, xã X, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn yêu cầu Toà án xét xử vắng mặt. HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà B và ông H thống nhất tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và được UBND xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (cũ) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyển số 01 ngày 05/3/2007 (BL 07), đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, bà B xác định nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, không thống nhất về quan điểm sống, vợ chồng không hòa hợp, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, ông H ngoại tình và vợ chồng sống ly thân gần một năm. Ông H xác định bản thân mình có lỗi, xin lỗi bà B và mong muốn được đoàn tụ. Bà B yêu cầu ly hôn, ông H không đồng ý ly hôn với bà B.

Bà B xác định không còn tình cảm với ông H, ông H có yêu cầu đoàn tụ với bà B nhưng không đưa ra được biện pháp khắc phục mâu thuẫn của vợ chồng.

Từ những phân tích đánh giá nêu trên, xét thấy mâu thuẫn giữa bà B và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B đối với ông H và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà.

[2.2] Về con chung: Bà B và ông H thống nhất có 02 con chung tên: Nguyễn Bích Bảo T, sinh ngày 14/01/2007 và Nguyễn Bích Bảo N, sinh ngày 09/10/2009.

Xét thấy, cháu T đã thành niên và có khả năng lao động, các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét; cháu N trên 07 tuổi và có nguyện vọng sống với bà B nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của các đương sự và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: bà B phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều

27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích .

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Bích đối V ông Nguyễn Xuân H.

2. Về con chung: Cháu Nguyễn Bích Bảo T đã thành niên và có khả năng tự lao động nên HĐXX không xem xét. Giao cháu Nguyễn Bích Bảo N, sinh ngày 09/10/2009 cho bà B trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí bà B nộp trước tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001264 ngày 01/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Đắk Lắk (1)
- VKSND khu vực 14 – Đắk Lắk (2)
- Phòng THADS khu vực 14 – Đắk Lắk (1)
- Các đương sự (2)
- UBND xã Xuân Lộc, tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ (2);
- Án Văn (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Anh Pha

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Trần Ngọc Anh	**Võ Tấn Sĩ**	**Nguyễn Anh Pha**